

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC,
TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG FPT
Số: 154/BC-PTFPT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2025
(Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục

Tên trường: Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT.

Tên ngắn gọn: Trường phổ thông FPT.

Tên giao dịch quốc tế: FPT School.

1.2. Địa chỉ, trụ sở

- Địa chỉ: Tòa nhà Beta, khuôn viên trường Đại học FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0236.3502992, 0236.7307779

- Email: ts.fsc3.dn@fe.edu.vn; tuyensinh.fsc12.dn@fe.edu.vn

- Website: <https://danang3-school.fpt.edu.vn>, <https://danang12-school.fpt.edu.vn>

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

- Loại hình: Tư thục.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

- Nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục: Công Ty TNHH Giáo Dục FPT

1.4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

*** Sứ mệnh**

- Cung cấp năng lực cạnh tranh toàn cầu cho đông đảo người học, góp phần mở mang bờ cõi trí tuệ đất nước.

*** Tầm nhìn**

- Trở thành hệ thống giáo dục mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất.

*** Giá trị cốt lõi của học sinh FPT Schools**

- **Công nghệ:** có hiểu biết về các công nghệ mới; biết ứng dụng công nghệ cơ bản vào hoạt động sinh hoạt và học tập hàng ngày; có xu hướng tìm hiểu và cập nhật các công nghệ mới nhất xuất hiện trên thế giới.

- **Tự lập:** Chủ động và tích cực trong suy nghĩ và hành động nhằm hướng tới việc xây dựng và thực hiện việc học, lao động và ứng xử tích cực, từng bước trưởng thành dựa vào chính năng lực và ý chí của bản thân.

- **Sáng tạo:** có ý thức về việc luôn tìm ra cách làm mới, hay và hiệu quả hơn, đồng thời biết phương pháp để suy nghĩ sáng tạo, và triển khai các hoạt động sáng tạo.

- **Trải nghiệm:** Tiếp cận thực tế, huy động kiến thức, kỹ năng để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết vấn đề, qua đó chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức, kỹ năng mới.

- **Tôn trọng cá nhân:** Đánh giá đúng mực, coi trọng danh dự, lợi ích và phẩm giá của người khác, tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

*** Mục tiêu của nhà trường:**

- Tạo dựng môi trường giúp học sinh phát triển cá nhân toàn diện, xác định được đam mê, chuẩn bị những kiến thức, kỹ năng, thái độ ứng xử, nền tảng văn hóa và trên hết là một tinh thần tự lập vô cùng cần thiết cho giai đoạn học tập cao hơn và chính thức trưởng thành sau này. Những giờ học ngoại khóa tại trường giúp học sinh phát hiện đam mê, tôi luyện được những sở trường vốn có của mình.

- Thừa hưởng nhiều thành quả giáo dục từ Tổ chức Giáo dục FPT phát triển các vấn đề về ngoại ngữ, kỹ năng, phương pháp tư duy, sự chủ động. Học sinh của nhà trường sẽ được chuẩn bị chu đáo để hướng tới các chương trình giáo dục tốt nhất.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Thành lập vào năm 2013, Hệ thống Phổ thông FPT (FPT Schools) trực thuộc Tổ chức Giáo dục FPT, là hệ thống giáo dục chất lượng cao gồm 3 cấp Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông với nhiều cơ sở tại các tỉnh thành trên toàn quốc.

Với triết lý hành động “trải nghiệm để trưởng thành”, nhà trường chủ trương xây dựng môi trường giàu trải nghiệm cho học sinh thông qua đào tạo kiến thức, kỹ năng và các cơ hội khám phá bản thân, hướng nghiệp trên quan điểm sáng tạo, thấu hiểu và dựa vào các nền tảng công nghệ giáo dục tiên tiến. Song song với chương trình theo chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường tích hợp bổ sung các chương trình đào tạo quan trọng nhằm hướng tới sự phát triển toàn diện cho học sinh.

Năm 2015, Trường THPT FPT được thành lập theo quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 13/2/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc cho phép thành lập Trường Trung học phổ thông FPT. Sau hai năm thi công, trường THPT FPT Đà Nẵng chính thức đi vào hoạt động và tuyển sinh khoá đầu tiên vào năm 2017.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT bắt đầu hoạt động theo mô hình bán trú ở cấp TH và THCS từ năm 2019 và có trụ sở tại khu đô thị FPT, phường Hoà Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT bắt đầu hoạt động theo mô hình nội trú ở cấp THPT từ năm 2020.

Năm học đầu tiên, trường có 05 lớp 10 với gần 136 học sinh và khoảng 30 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Sau chín năm hoạt động, nhờ sự nỗ lực của tập thể cán bộ giáo viên, trường đã đạt được những thành tựu ấn tượng với 154 lớp và hơn 4300 học sinh ở cả ba cấp học.

1.6. Thông tin đại diện phát luật

- Họ và tên: Lê Trường Nhật. Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Địa chỉ nơi làm việc: Khu đô thị FPT, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Điện thoại: 0912601387.

- Địa chỉ email: nhatl@fe.edu.vn

1.7. Tổ chức bộ máy

* Danh sách Hội đồng trường

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Ông Lê Trường Tùng	Chủ tịch Hội đồng trường Đại học FPT - Đại diện nhà đầu tư	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Khắc Thành	Hiệu trưởng trường Đại học FPT	Ủy viên
3	Ông Nguyễn Xuân Phong	Phó Hiệu trưởng trường Đại học FPT; Giám đốc Khối Giáo dục phổ thông FPT	Ủy viên
4	Ông Lê Trường Nhật	Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT FPT	Ủy viên
5	Bà Nguyễn Thị Kiều Ngân	Phó Hiệu trưởng trường TH, THCS và THPT FPT	Thư ký

* Danh sách Ban giám hiệu nhà trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Số Quyết định và ngày công nhận của Sở Giáo dục và Đào tạo
1	Ông Lê Trường Nhật	25/03/1951	Hiệu Trưởng	Quyết định số 1634/QĐ-SGDĐT ngày 04 /12/2020
2	Bà Nguyễn Thị Kiều Ngân	27/12/1983	P. Hiệu trưởng	Quyết định số 249/QĐ-SGDĐT ngày 13/3/2025
3	Bà Nguyễn Ngọc Hà	01/03/1979	P. Hiệu trưởng	Quyết định số 1425/QĐ-SGDĐT ngày 08/11/2022
4	Bà Ông Thị Thu Trang	11/12/1985	P. Hiệu trưởng	Quyết định số 299/QĐ-SGDĐT ngày 27/3/2025

* Tổ chức phòng ban, đoàn thể

Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT có các tổ chuyên môn, phòng ban chức năng, các hội đồng chuyên trách và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc thành lập và phân công chức năng, nhiệm vụ được thực hiện theo các quyết định quản lý nội bộ của nhà trường, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và phù hợp với mô hình trường tư thực.

Theo Quyết định số 91/QĐ-PTFPT ngày 01/09/2020 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc thành lập và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các Khối, Ban, Phòng, Tổ chuyên môn, cụ thể:

Khối trung học phổ thông gồm:

- Tổ Văn phòng.
- Phòng Tuyển sinh.
- Tổ Quản nhiệm.
- Ban Đào tạo:

- + Tổ Tự nhiên;
- + Tổ Xã hội;
- + Tổ Tiếng Anh;
- + Tổ Phát triển cá nhân.

Khối Tiểu học và Trung học cơ sở gồm:

- Tổ Văn phòng.
- Phòng Tuyển sinh.
- Phòng Công tác học sinh.
- Phòng Dịch vụ học sinh.
- Ban Đào tạo tiểu học.
- Ban Đào tạo Trung học cơ sở:
- + Tổ Tự nhiên;
- + Tổ Xã hội;
- + Tổ Tiếng Anh;
- + Tổ Phát triển cá nhân;
- + Tổ STEM và Công nghệ.

Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Tiểu học và Trung học cơ sở được đổi tên theo Quyết định số 43/QĐ-PTFPT ngày 01/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc đổi tên Tổ công tác học sinh thành Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Tiểu học và Trung học cơ sở.

Phòng công tác học sinh thuộc Khối Trung học phổ thông có chức năng nhiệm vụ tại Quyết định số 23/QĐ-PTFPT ngày 15/02/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Phòng Công tác học sinh thuộc Khối Trung học phổ thông.

Sau khi giải thể hoạt động của Ban đào tạo thuộc Khối Trung học phổ thông theo Quyết định số 51/QĐ-PTFPT ngày 10/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT, Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo thuộc Khối Trung học phổ thông được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ-PTFPT ngày 10/3/2022 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc thành lập Phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo thuộc Khối Trung học phổ thông.

Tổ Giám thị thuộc Khối Trung học phổ thông được thành lập theo Quyết định số 208/QĐ-PTFPT ngày 13/12/2021 của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Tổ Quản nhiệm và thành lập Tổ Giám thị thuộc Khối Trung học phổ thông.

Các phòng, tổ nêu trên có trách nhiệm thực hiện các chức năng hỗ trợ chuyên môn, quản trị học sinh, tổ chức thi cử, kiểm tra, truyền thông, chăm sóc học sinh và triển khai các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

- Các lớp học và tổ học sinh

Học sinh được biên chế thành các lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào số lượng học sinh tuyển sinh hằng năm. Mỗi lớp trung bình từ 25 đến 35 học sinh, được chia thành các tổ, do giáo viên chủ nhiệm phụ trách. Học sinh được tổ chức và quản lý theo quy chế học sinh, bảo đảm kỷ luật, nề nếp và phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập và sinh hoạt tập thể.

- Các hội đồng chức năng

Để bảo đảm công tác quản lý và điều hành theo nguyên tắc tập thể, các hội đồng chức năng gồm:

- + Hội đồng Thi đua - Khen thưởng;
- + Hội đồng Kỷ luật;
- + Hội đồng Sư phạm;
- + Hội đồng Tư vấn.

Các hội đồng này hoạt động theo quy chế riêng, có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất ý kiến về công tác thi đua, khen thưởng, xử lý vi phạm, chuyên môn, tư vấn chính sách phát triển trường.

- Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường thực hiện công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng, định hướng hoạt động toàn diện của nhà trường. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực, gồm:

- + Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (đối với cấp Tiểu học, Trung học cơ sở).
- + Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (đối với cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông).
- + Công đoàn cơ sở nhà trường.

- Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT đã xây dựng quy chế hoạt động được ban hành theo Quyết định số 142A/QĐ-PTFPT ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT.

- Về chức năng, nhiệm vụ của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT là:

Chức năng:

- Giáo dục phổ thông hoàn chỉnh: Cung cấp chương trình giáo dục phổ thông hoàn chỉnh ở cấp THPT, bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục nhằm bảo đảm học sinh đạt được yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực, phát triển toàn diện về phẩm chất, năng lực.

- Định hướng phát triển cá nhân: Định hướng nghề nghiệp, giúp học sinh hiểu rõ các lựa chọn tiếp theo (học nghề, học tiếp lên bậc cao hơn hoặc tham gia lao động), phù hợp với năng lực, sở thích và điều kiện thực tế của các em.

- Phát triển kỹ năng sống và giá trị sống: Chú trọng phát triển các phẩm chất như trung thực, trách nhiệm, tự học, yêu nước, khoan dung và năng lực thích ứng với các điều kiện, hoàn cảnh xã hội đa dạng và phức tạp.

Nhiệm vụ:

(1) Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho cấp THPT, bao gồm các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học lựa chọn, các chuyên đề học tập, đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất và năng lực.

- Thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục STEM và giáo dục kỹ năng sống, giúp học sinh gắn kiến thức với thực tiễn.

- Đào tạo, bồi dưỡng thế hệ học sinh có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực, có khả năng hòa nhập vào các chương trình giáo dục quốc tế ở các bậc học cao hơn.

(2) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Thực hiện các phương pháp kiểm tra, đánh giá mới, bao gồm đánh giá năng lực, phẩm chất và đánh giá quá trình học tập.

- Đảm bảo tổ chức đánh giá thường xuyên, định kỳ, công bằng, khách quan, dựa trên các tiêu chuẩn được quy định để phản ánh trung thực quá trình và kết quả học tập của học sinh, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế tổn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình học sinh và xã hội.

(3) Định hướng nghề nghiệp cho học sinh

- Tư vấn, hướng dẫn học sinh lựa chọn môn học tự chọn phù hợp với năng lực và sở thích cá nhân, nhằm định hướng nghề nghiệp từ sớm.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về nghề nghiệp, tổ chức các chương trình hướng nghiệp, các buổi tham quan thực tế tại các cơ sở đào tạo hoặc doanh nghiệp.

(4) Phát triển năng lực tự học, tự chủ và sáng tạo của học sinh

- Khuyến khích học sinh tự học, tư duy sáng tạo và tự lập thông qua các phương pháp dạy học tích cực như học nhóm, thảo luận, nghiên cứu dự án.

- Tạo điều kiện để học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, và các kỹ năng mềm cần thiết cho cuộc sống và nghề nghiệp trong tương lai.

(5) Thực hiện các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử

- Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử nhằm xây dựng nhân cách, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm cho học sinh.

- Chú trọng giáo dục về bảo vệ môi trường, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống bạo lực học đường, bảo đảm an toàn trường học.

(6) Phối hợp với gia đình và cộng đồng trong công tác giáo dục

- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với phụ huynh học sinh và các tổ chức cộng đồng, thông qua việc thông báo, trao đổi thông tin về tình hình học tập, rèn luyện của học sinh.

- Tạo điều kiện cho phụ huynh và cộng đồng tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường, tăng cường gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội.

(7) Các nhiệm vụ khác

- Nghiên cứu phát triển về giáo dục.

- Hợp tác quốc tế góp phần đưa giáo dục Việt Nam tham gia tích cực vào nền giáo dục phát triển.

- Gìn giữ và phát triển những di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.

- Quản lý giáo viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu độ tuổi và giới tính.

- Tuyển sinh và quản lý người học.

- Tổ chức cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội phù hợp.

- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

- Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo					
				TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số các vị trí việc làm	493	54	1	43	432	12	3	2
I	Cán bộ quản lý	4	3		3	1			
1	Hiệu trưởng	1				1			
2	Phó Hiệu trưởng	3	3		3				
II	Giáo viên								
1	Giáo viên THPT	90	51	1	22	67	0	0	
-	Toán	14	7		5	9			
-	Ngữ văn	13	11			13			
-	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh)	11	8		4	7			
-	KHTN								

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo					
				TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
-	Vật lí	9	5	1	4	4			
-	Hóa học	5	4			5			
-	Sinh học	4	3		4				
-	Tin học	4	1		1	3			
-	Công nghệ								
-	GDKT&PL	4	3		1	3			
-	Lịch sử	5	2		1	4			
-	Địa lí	3	3			3			
-	GDTC	4			2	2			
-	Âm nhạc	1				1			
-	Mỹ thuật	1				1			
-	GDQP	8	4			8			
-	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	4				4			
2	Giáo viên TH và THCS	202			14	188			
-	Toán	16			3	13			
-	KHTN	12			3	9			
-	Tin học	8			1	7			
-	Ngữ văn	16				16			
-	Lịch sử và Địa lí	6				6			
-	GDCD	3				3			
-	Ngoại ngữ 1	38			4	34			
-	GDTC	8				8			
-	Nghệ thuật	12				12			
-	GV Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	3				3			
-	Công nghệ/STEM	15			1	14			
-	Giáo viên chủ nhiệm tiểu học	65			2	63			
III	Nhân viên								
1	Khối THPT	74				72		1	1
-	Y tế	3				3			
-	Thủ quỹ	1				1			
-	Hành chính	11				10		1	
-	Giám thị học đường	4				4			
-	Giáo viên quản nhiệm	34				34			
-	Cán bộ phát triển cá nhân	10				10			
-	Thư viện	1				1			
-	Cán bộ tư vấn học sinh	1				1			
-	Cán bộ tuyển sinh	7				7			
-	Công nghệ thông tin	1				1			
-	Phục vụ	1							1

TT	Nội dung	Tổng số	Nữ	Trình độ đào tạo					
				TS	Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
2	Khối TH và THCS	120			3	102	12	2	1
-	Tổ chức và quản lý đào tạo	7				7			
-	Cán bộ công tác học sinh	7				7			
-	Giám thị học đường	7				5	2		
-	Cán bộ tuyển sinh	10			1	8	1		
-	Giáo viên bán trú	65				55	9	1	
-	Hành chính, văn phòng	10			2	8			
-	Nhân viên y tế	3				2		1	
-	Nhân viên thư viện	1				1			
-	Tập vụ	1							1
-	Cán bộ phát triển cá nhân	2				2			
-	Cán bộ công tác học sinh	7				7			
IV	Nghiep vụ dùng chung	3			1	2			
-	Kế toán	2			1	1			
-	Văn thư - Lưu trữ	1				1			

2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

TT	Nội dung	2025	2024
I	Cán bộ quản lý	04	03
1	Số lượng đạt	04	03
2	Tỷ lệ đạt	100%	100%
II	Giáo viên - cán bộ	484	473
1	Số lượng đạt	484	473
2	Tỷ lệ đạt	100%	100%

3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên khối THPT hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

TT	Nội dung	2025	2024
I	Cán bộ quản lý	02	02
1	Số lượng hoàn thành	02	02
2	Tỷ lệ hoàn thành	100%	100%
II	Giáo viên	90	103
1	Số lượng hoàn thành	90	103
2	Tỷ lệ hoàn thành	100%	100%

III. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

TT	Nội dung	2025	2024	Yêu cầu theo quy định (Tùy theo từng bậc học, cấp học, các đơn vị cụ thể hóa theo Thông tư 13/2020)
1	Diện tích đất khu xây dựng			Đảm bảo
1.1	Điểm trường			
1.1.1	Điểm trường TH & THCS FPT	16,335m ²	16,335m ²	
1.1.2	Điểm trường THPT FPT	50,233m ²	50,233m ²	
1.2	Diện tích bình quân cho mỗi trẻ/học sinh			
1.2.1	Điểm trường TH & THCS	7.83 m ²	9.12 m ²	
1.2.2	Điểm trường THPT			
2	Khối phòng hành chính quản trị			Đảm bảo
2.1	Phòng Hiệu trưởng	1	1	
2.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	1	
2.3	Văn phòng trưởng	1	1	
2.4	Phòng dành cho nhân viên	1	1	
2.5	Phòng bảo vệ			
2.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	1	
3	Khối phòng học tập			Đảm bảo
3.1	Phòng học	60	60	
3.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1	
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1	
3.3	Phòng học bộ môn Công nghệ:	1	1	
3.4	Phòng học bộ môn KHTN			
3.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	
3.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	1	1	
3.7	Phòng đa chức năng	1	1	
4	Khối phòng hỗ trợ học tập			Đảm bảo
4.1	Thư viện	1	1	

TT	Nội dung	2025	2024	Yêu cầu theo quy định (Tùy theo từng bậc học, cấp học, các đơn vị cụ thể hóa theo Thông tư 13/2020)
4.2	Phòng thiết bị giáo dục			
4.3	Phòng tư vấn học đường	1	1	
4.4	Phòng truyền thống	1	1	
4.5	Phòng Đoàn, Đội	1	1	
5	Khối phụ trợ			Đảm bảo
5.1	Phòng họp toàn thể viên chức, người lao động	1	1	
5.2	Phòng các tổ chuyên môn	2	2	
5.3	Phòng Y tế trường học	1	1	
5.4	Nhà kho	1	1	
5.5	Khu để xe học sinh	1	1	
5.6	Khu vệ sinh học sinh			
6	Khu sân chơi, thể dục thể thao			Đảm bảo
-	Điểm trường TH & THCS FPT	10,502 m ²	10,502 m ²	
-	Điểm trường THPT FPT	20,381m ²	20,381m ²	

Số thiết bị dạy học hiện có:

- Khối Tiểu học: Số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 37/2021/BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học. Tổng số lượng 26874 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Tiếng Việt	634	Bộ tư liệu	
2	Toán	14519	Thiết bị	
3	Ngoại ngữ	2024	Thiết bị	
4	Đạo đức	1939	Thiết bị	
5	Tự nhiên và xã hội	1519	Thiết bị	
6	Lịch sử và địa lí	576	Thiết bị	
7	Tin học	625	Thiết bị	
8	Công nghệ	115	Thiết bị	
9	Giáo dục thể chất	1063	Thiết bị	
10	Khoa học	424	Thiết bị	
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	292	Thiết bị	
12	Nghệ thuật (Âm nhạc)	560	Thiết bị	
13	HĐTN-HN	779	Thiết bị	
14	Thiết bị dùng chung	1805	Thiết bị	

- Khối THCS: Số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 38/2021/BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Tổng số lượng 27559 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Ngữ Văn	266	Bộ tư liệu	
2	Toán	737	Bộ tư liệu	
3	Ngoại ngữ	126	Thiết bị	
4	Giáo dục công dân	363	Bộ tư liệu	
5	Lịch sử và địa lý	410	Bộ tư liệu	
6	Khoa học tự nhiên	1635	Thiết bị	
7	Công nghệ	352	Thiết bị	
8	Tin học	1439	Thiết bị	
9	Giáo dục thể chất	280	Thiết bị	
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	293	Thiết bị	
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	19456	Thiết bị	
12	HĐTN-HN	2150	Thiết bị	
13	Thiết bị dùng chung	52	Thiết bị	

- Khối Trung học phổ thông: số thiết bị hiện có căn cứ theo Thông tư số 06/VBHN-BGDĐT ngày 10/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông, nhà trường thực hiện mua sắm đầy đủ theo danh mục. Tổng số lượng 1384 thiết bị/loại thiết bị/bộ tư liệu cụ thể:

STT	Môn	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Ngữ Văn	19	bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
2	Toán	5	bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
3	Ngoại ngữ	60	Thiết bị	
4	Hóa học	133	Thiết bị/ hóa chất	
5	Vật lý	171	Thiết bị	
6	Âm nhạc	58	Thiết bị	
8	Mỹ thuật	39	Thiết bị	
8	Sinh học	125	Thiết bị/ hóa chất	
9	Hoạt động TNHN	11	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
10	Giáo dục TC	670	Thiết bị	
11	Lịch sử	36	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
12	Địa lí	44	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử
13	GDKT-PL	13	Bộ tư liệu	Sử dụng tư liệu điện tử

- Danh mục sách Giáo khoa lớp 5:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Đơn vị liên kết
1	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Đơn vị liên kết
2	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm		
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Tin học 5	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Đơn vị liên kết
8	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm
9	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Mĩ thuật 5 (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	Hoạt động trải nghiệm 5 (bản 1)	Phó Đức Hoà (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh mục trên có 12 bản sách./.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
1	Toán 9, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kế nối tri thức với cuộc sống
	Toán 9, Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Cung Thế Anh, Nguyễn Huy Đoan (đồng Chủ biên), Nguyễn Cao Cường, Trần Mạnh Cường, Doãn Minh Cường, Trần Phương Dung, Sĩ Đức Quang, Lưu Bá Thắng, Đặng Hùng Thắng.		
2	Ngữ văn 9, Tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
	Ngữ văn 9, Tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt		
3	Tiếng Anh 9 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Khoa học tự nhiên 9	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền, Đinh Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Lịch sử và Địa lí 9	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Công nghệ 9 – Định hướng nghề nghiệp	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thuý	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Công nghệ 9 – Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thuý	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Công nghệ 9 – Mô đun Cắt may	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thuý	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
	Công nghệ 9 – Mô đun Nông nghiệp 4.0	Bùi Văn Hồng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lưỡng, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phụng, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thuý	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân	Thuộc bộ sách
7	Tin học 9	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục thể chất 9	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam VEPIC (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh điều
9	Giáo dục công dân 9	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 9	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 9	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Chân trời sáng tạo bản 1
12	Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp 9	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang, Phạm Đình Văn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Chân trời sáng tạo bản 1

Danh sách này có 12 sách giáo khoa lớp 9./.

Danh mục sách giáo khoa lớp 12:

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Tên bộ sách
1	Ngữ văn 12, Tập một	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Lưu, Trần Hạnh Mai, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Đỗ Hải Phong, Nguyễn Thị Hồng Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Tên bộ sách
	Ngữ văn 12, Tập hai	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Hạnh Mai, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hồng Vân		
	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng (Chủ biên), Nguyễn Thị Diệu Linh, Hà Văn Minh, Nguyễn Thị Ngọc Minh		
2	Toán 12, Tập 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Toán 12, Tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Lê Văn Cường, Trần Mạnh Cường, Nguyễn Đạt Đăng, Lê Văn Hiện, Phan Thanh Hồng, Trần Đình Kế, Phạm Anh Minh, Nguyễn Thị Kim Sơn		
	Chuyên đề học tập Toán 12	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng Chủ biên), Nguyễn Đạt Đăng, Nguyễn Thị Kim Sơn		
3	Tiếng Anh 12 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên) Vũ Hải Hà (Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Giáo dục thể chất 12 – Đá cầu 12	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Mạc Xuân Tùng	Công ty cổ phần đầu tư xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh Diều
5	Lịch sử 12	Vũ Minh Giang (Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Trương Thị Bích Hạnh, Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Tên bộ sách
		Ngọc Huyền, Hoàng Thị Hồng Nga, Phạm Hồng Tung.		với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Lịch sử 12	Vũ Minh Giang (Chủ biên xuyên suốt), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Hoa, Phan Ngọc Huyền, Trần Thị Thanh.		Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Địa lí 12	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Cử, Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương, Nguyễn Tú Linh, Đỗ Thị Mùi, Lương Thị Thành Vinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Địa lí 12	Lê Huỳnh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Sơn (Chủ biên), Đào Ngọc Hùng, Lê Văn Hương		Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Nguyễn Minh Đoan – Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Nguyễn Hà An, Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi, Nguyễn Thị Thu Trà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (Đồng chủ biên), Ngô Thái Hà, Nguyễn Thị Hôi		Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Vật lí 12	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (đồng Chủ biên), Trần Nguyễn Nam Bình, Đoàn Hồng Hà, Bùi Quang Hân, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đăng Hoài Thu, Trần Thị Mỹ Trinh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.	Chân trời sáng tạo
	Chuyên đề học tập Vật lí 12	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải (đồng Chủ biên), Đoàn Hồng Hà, Đỗ Xuân Hội, Nguyễn Như Huy, Trương Đăng Hoài Thu		Chân trời sáng tạo
9	Hóa học 12	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Văn Hải, Lê Trọng Huyền, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Hóa học 12	Lê Kim Long (Tổng Chủ biên), Đặng Xuân Thư (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Tuấn Cường, Nguyễn Đăng Đạt, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Đường Khánh Linh		Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Tên bộ sách
10	Sinh học 12	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Trần Văn Kiên, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đào Anh Phúc, Đỗ Thị Phúc	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Sinh học 12	Phạm Văn Lập (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đào Thị Minh Châu, Nguyễn Thị Hồng Liên, Đinh Đoàn Long		Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Tin học 12, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Hồ Cẩm Hà (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Hồ Sĩ Bàng, Phạm Văn Đại, Nguyễn Đình Hóa, Phạm Thị Anh Lê, Nguyễn Thị Thùy Liên, Lê Anh Ngọc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh diều
	Tin học 12, Khoa học máy tính	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đình Hóa (Chủ biên), Nguyễn Việt Anh, Phạm Văn Đại, Hồ Cẩm Hà, Lê Anh Ngọc		Cánh diều
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Chí Trung (Chủ biên), Trương Công Đoàn, Nguyễn Duy Hải, Nguyễn Đình Hóa, Hà Mạnh Hùng		Cánh diều
	Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Đỗ Phan Thuận (Chủ biên), Đỗ Đức Đông, Nguyễn Khánh Phương		Cánh diều
12	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Cẩm Tú	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Mĩ thuật 12: Hội họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Lê Trần Hậu Anh, Nguyễn Thùy Linh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Mĩ thuật 12: Thiết kế công nghiệp	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Đỗ Đông Hưng, Đỗ Đình Tiến	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Mĩ thuật 12: Thiết kế đồ họa	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Vương Quốc Chính	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức	Tên bộ sách
	Mĩ thuật 12: Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trịnh Sinh (đồng Chủ biên), Nguyễn Hữu Phần, Trần Thanh Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Đào Thị Hà, Nguyễn Thị May	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
14	Âm nhạc 12	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tống Đức Cường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Đỗ Hiệp, Nguyễn Quang Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12	Phạm Phương Hoa (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tống Đức Cường	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
15	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12	Nguyễn Thiện Minh (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Đức Đăng, Phí Văn Hạnh, Ưông Thiện Hoàng, Nguyễn Văn Tinh, Hoàng Lê Nam, Lương Hồng Sinh.	Nhà xuất bản: Đại học sư phạm.	Cánh diều

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đạt chứng nhận quốc tế ISO 21001:2018 là tiêu chuẩn dành riêng cho lĩnh vực giáo dục.

- Trường cũng đã tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường qua báo cáo tự đánh giá năm học 2024-2025.

- Trường không đăng ký điểm định ngoài.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công tác tuyển sinh của cơ sở giáo dục, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, và các thông tin liên quan

TT	Nội dung	2025	2024
1	Chỉ tiêu tuyển sinh		
2	Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển	Xét tuyển
3	Số lượng tuyển sinh/Nữ	1315/601	1800/860
4	Tỷ lệ tuyển sinh		
5	Tổng số học sinh	4326	4146
-	Khối 1	418	392
-	Khối 2	397	360
-	Khối 3	379	330

TT	Nội dung	2025	2024
-	Khối 4	346	259
-	Khối 5	284	202
-	Khối 6	369	355
-	Khối 7	356	379
-	Khối 8	371	357
-	Khối 9	348	173
-	Khối 10	233	435
-	Khối 11	420	419
-	Khối 12	405	485
6	Số học sinh bình quân/lớp		
-	Khối 1	30	28
-	Khối 2	28	30
-	Khối 3	29	28
-	Khối 4	29	29
-	Khối 5	28	29
-	Khối 6	28	27
-	Khối 7	27	29
-	Khối 8	29	27
-	Khối 9	27	29
-	Khối 10	29	29
-	Khối 11	26	28
-	Khối 12	24	26
7	Số học sinh học 02 buổi/ngày		
-	Khối 1	418	392
-	Khối 2	397	360
-	Khối 3	379	330
-	Khối 4	346	259
-	Khối 5	284	202
-	Khối 6	369	355
-	Khối 7	356	379
-	Khối 8	371	357
-	Khối 9	348	173
-	Khối 10	233	435
-	Khối 11	420	419
-	Khối 12	405	485
8	Số học sinh là người dân tộc thiểu số/Nữ	21/8	21/7
9	Số học sinh khuyết tật/Nữ	1/0	0/0
10	Số học sinh chuyển đến	16	16
11	Số học sinh chuyển đi	51	38

2. Kế hoạch và kết quả giáo dục

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	Kế hoạch năm 2024	Kết quả năm 2024
1	Chỉ tiêu Học sinh giỏi cấp quốc gia	0	0	0	0
2	Chỉ tiêu Học sinh giỏi Olympic/quốc tế	0	0	0	0
3	Chỉ tiêu học sinh giỏi cấp thành phố				
-	<i>HSG giải toán trên máy tính cầm tay</i>	0	0	0	0
-	<i>HSG bộ môn</i>	80	84	80	81
-	<i>HSG thí nghiệm thực hành</i>	0	0	0	0
-	<i>HSG KHTN bằng tiếng Anh</i>	0	0	0	0
-	<i>Học sinh đạt giải KHKT</i>		6		8
4	Chỉ tiêu Giáo viên giỏi cấp trường/thành phố	0	0	0	0
5	Chỉ tiêu Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường/thành phố	0	0	0	0
6	Chỉ tiêu đề tài sáng kiến được công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng	0	0	0	0
-	<i>Cấp cơ sở</i>	0	0	0	1
-	<i>Cấp thành phố</i>	0	0	0	1
-	<i>Cấp toàn quốc</i>	0	0	0	0
7	Tỷ lệ về kết quả học tập				
7.1	Cấp THPT				
-	<i>Tốt</i>		66.41%		50,91%
-	<i>Khá</i>		31.15%		40,92%
-	<i>Đạt</i>		2.29%		8.17%
-	<i>Chưa đạt</i>		0.15%		
7.2	Cấp THCS				
	<i>Tốt</i>		65.62%		59.15%
	<i>Khá</i>		26.15%		32.58%
	<i>Đạt</i>		8.23%		8.26%
	<i>Chưa đạt</i>		0%		0%
7.3	Cấp Tiểu học				
	<i>Hoàn thành xuất sắc</i>		75.08%		75.02%
	<i>Hoàn thành tốt</i>		17.48%		17.03%
	<i>Hoàn thành</i>		7.44%		7.76%

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	Kế hoạch năm 2024	Kết quả năm 2024
	Chưa hoàn thành		0%		0.19%
8	Tỷ lệ về kết quả rèn luyện				
8.1	Cấp THPT				
-	Tốt		96.34%		93,73%
-	Khá		2.82%		4,96%
-	Đạt		0.76%		1.31%
-	Chưa đạt		0.08%		
8.2	Cấp THCS				
-	Tốt		99.11%		99.91%
-	Khá		0.81%		0.09%
-	Đạt		0.08%		0%
-	Chưa đạt		0%		0%
9	Số lượng học sinh được lên lớp		4080		3702
10	Số lượng học sinh không được lên lớp		02 (THPT)		2 (TH)
11	Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình		480 (THPT) 369 (TH, THCS)		432 (THPT) 358 (TH, THCS)
12	Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp		480 (THPT) 169 (THCS)		432 (THPT) 147 (THCS)
13	Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp		3		9
14	Số lượng học sinh trúng tuyển đại học		473		409

VI. THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

Mức thu học phí năm ngoài

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	Học phí Khối 1	Đồng/học sinh/tháng	23,600,000	

2	Học phí Khối 2	Đồng/học sinh/tháng	24,000,000	
3	Học phí Khối 3	Đồng/học sinh/tháng	20,500,000	
4	Học phí Khối 4	Đồng/học sinh/tháng	16,500,000 20,500,000	Nhập học 2020,2021 Nhập học 2022, 2023, 2024
5	Học phí Khối 5	Đồng/học sinh/tháng	16,500,000 20,500,000	Nhập học 2020,2021 Nhập học 2022, 2023, 2024
6	Học phí Khối 6	Đồng/học sinh/tháng	25,200,000	
7	Học phí Khối 7	Đồng/học sinh/tháng	25,600,000	
8	Học phí Khối 8	Đồng/học sinh/tháng	22,500,000	
9	Học phí Khối 9	Đồng/học sinh/tháng	19,000,000 22,500,000	Nhập học 2020,2021 Nhập học 2022, 2023, 2024
10	Bảo hiểm y tế cấp TH, THCS	Đồng/học sinh/tháng	73,710	
1	Học phí Khối 10	Đồng/học sinh/tháng	5,360,000	
2	Học phí Khối 11	Đồng/học sinh/tháng	5,600,000	
3	Học phí Khối 12	Đồng/học sinh/tháng	5,500,000	
4	Phí ở nội trú	Đồng/học sinh/tháng	1,600,000	
5	Bảo hiểm y tế	Đồng/học sinh/tháng	73,710	

Nhận từ ngân sách nhà nước

STT	Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
1	Học kỳ 2 năm học 2024-2025	2549	830,200,000	05 tháng
2	Học kỳ 1 năm học 2025-2026	4303	1,454,880,000	04 tháng

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Nhà trường đã thực hiện chi trả đầy đủ các khoản thu nhập cho giáo viên, tăng cường đầu tư các trang thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo sự vận hành ổn định trong năm 2025.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Tùy theo từng trường hợp nhà trường có nhiều chính sách giảm học phí cho các em học sinh. Mức giảm học phí từ 10 – 100%.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC *(Tùy theo nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch giáo dục của nhà trường)*

1. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Nhà trường đã thực hiện hoàn thành chương trình với chất lượng nâng cao. 100% học sinh khối 12 nhà trường đỗ tốt nghiệp

2. Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch phát triển quy mô trường lớp, đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đảm bảo yêu cầu triển khai chương trình GDPT 2018; thực hiện công tác giáo dục hướng nghiệp, công tác phân luồng học sinh THPT

- Nhà trường đã tích cực triển khai công tác mua sắm các thiết bị nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Đội ngũ giáo viên của nhà trường tham gia đầy đủ các khóa tập huấn và sinh hoạt chuyên môn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Đồng thời, 100% cán bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường cũng tham gia các khóa tập huấn do khối giáo dục FPT tổ chức.

3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả

- Nhà trường đã đầu tư phát triển các hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo sự thông suốt của thông tin giữa gia đình và nhà trường thông qua ứng dụng MyFPTSchool.

- Thông qua các hệ thống quản lý điểm danh, trạng thái học sinh được theo dõi kịp thời.

4. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; đa dạng hóa các hình thức giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học của học sinh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong dạy và học

- Các tổ chuyên môn nhà trường đã áp dụng nhiều hình thức kiểm tra đánh giá như dạy học dự án, lớp học đảo ngược, dự án liên môn như dự án “Lắng” nhằm phát triển năng lực của học sinh.

5. Đảm bảo chất lượng chương trình nội trú

- Về đội ngũ, nhà trường có 40 cán bộ quản nhiệm hỗ trợ thực hiện các hoạt động nội trú.

- Về cơ sở vật chất, nhà trường có 2 khu ký túc xá đáp ứng nhu cầu của học sinh.

- Về các hoạt động nội trú, nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động để đa dạng hóa trải nghiệm cho học sinh.

- Về các hoạt động hỗ trợ học tập ban đêm, nhà trường đã bố trí giáo viên hỗ trợ học tập riêng cho học sinh yếu và học sinh có nhu cầu học nâng cao.

Trên đây là báo cáo thường niên thực hiện chương trình giáo dục của trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông FPT

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT TP.Đà Nẵng;
- Website;
- Lưu: VT.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Hà

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

STT	Nội dung	Loại hồ sơ	Hình thức công khai
1	Kế hoạch giáo dục năm học: 1. Tiểu học 2. Trung học cơ sở 3. Trung học phổ thông	Bản cứng	Công khai trong họp phụ huynh đầu năm
2	Kế hoạch & Phương án tuyển sinh	Bản online	Website
3	Thời khóa biểu	Bản online	AppMyFPTSchools
4	Quy chế phối hợp giữa gia đình, CSGD: Cẩm nang nhập học	Bản mềm	Gửi về group zalo PHHS
5	Các chương trình hoạt động học tập	Bản mềm	Các kế hoạch được gửi về group zalo
6	Thực đơn	Bản online	App MyFPTSchool